

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5776/QĐ-UBND

Thanh Trì, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện
dự tuyển tại kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp
công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 4689/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Tờ trình số 265/TTr-HĐTD ngày 14/11/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách **640** thí sinh đủ điều kiện và danh sách **172** thí sinh không đủ điều kiện dự tuyển tại kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2023 (*Chi tiết theo Biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Hội đồng tuyển dụng; Trưởng các phòng: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Cường



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 5716/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND huyện Thanh Trì)

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hồ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TTs, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc hàng diện)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
1	Tạ Thu Hiền	22/04/1995	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Ngô Sĩ Kiên	
2	Nguyễn Thị Nhung	25/9/1991	Nữ	Văn Bình, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Ngô Sĩ Kiên	
3	Hoàng Thị Quyên	16/4/1991	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Ngô Sĩ Kiên	
4	Đinh Thị Thành	09/01/1989	Nữ	Tư Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Tiếng Anh	GV	Anh	1	Ngô Sĩ Kiên	
5	Ngô Thị Thùy Nhung	13/12/1988	Nữ	Nam Tiến, Phú Xuyên	DH	CQ-LT	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Ngọc Hồi	
6	Nguyễn Thị Phương	11/02/1991	Nữ	Văn Phú, Thường Tín	DH	VHVL	Tiếng Anh Sư phạm	GV	Anh	1	Ngọc Hồi	
7	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/02/1999	Nữ	Minh Cường, Thường Tín	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Ngọc Hồi	
8	Nguyễn Thị Thu	08/02/1986	Nữ	Dại Áng, Thanh Trì	DH	CT	Tiếng Anh Phiên dịch	GV	Anh	1	Ngọc Hồi	
9	Vũ Thị Phương Thu	23/8/1990	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín	DH	CQ	Cử nhân Tiếng Anh	GV	Anh	1	Ngọc Hồi	
10	Phạm Thị Thu Hà	24/10/1994	Nữ	Thanh Hóa	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Tân Triều	DTTS
11	Nguyễn Thanh Hằng	05/8/1988	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Tân Triều	
12	Vĩ Thị Hằng	27/4/1993	Nữ	Thái Nguyên	DH	CQ	Sư phạm Song ngữ Nga - Anh	GV	Anh	1	Tân Triều	DTTS
13	Lỗ Thị Huyền	21/10/1984	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân	DH	TC	Tiếng Anh Sư phạm	GV	Anh	1	Tân Triều	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tất)
14	Trần Thủy Hà	03/09/1989	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Triều Khúc	
15	Trần Thị Diệu Linh	17/9/1998	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Triều Khúc	
16	Nguyễn Thị Mai An	10/6/1991	Nữ	Chương Dương, Thường Tín	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Tứ Hiệp	
17	Nguyễn Thị Hạnh	28/08/1990	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Tứ Hiệp	
18	Hồ Thị Liên	07/08/1985	Nữ	Viên An, Ứng Hòa	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Tứ Hiệp	
19	Phạm Thị Hồng Nhung	10/11/1990	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Tứ Hiệp	
20	Trần Thị Phương Hiền	20/12/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Yên Xá	
21	Nguyễn Thị Huyền	03/03/1997	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá	
22	Lê Thị Ngọc Huyền	29/05/1998	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá	
23	Mai Thị Phương Nhung	26/09/1989	Nữ	Phú La, Hà Đông	DH	CQ-LT	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá	
24	Nguyễn Thị Phương	08/7/1988	Nữ	Phú Lương, Hà Đông	DH	CQ-LT	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá	CTB
25	Nguyễn Như Quỳnh	22/3/1999	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá	
26	Lương Thị Tâm	27/02/1983	Nữ	Phổ Huế, Hai Bà Trưng	DH	TC	Tiếng Anh Sư phạm	GV	Anh	1	Yên Xá	CBB
27	Nguyễn Văn Nam Anh	17/6/1999	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Đỗ Ngọc Du	
28	Sái Văn Bắc	17/6/1990	Nam	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Đỗ Ngọc Du	
29	Lương Văn Song	16/9/1996	Nam	Nghệ An	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Đỗ Ngọc Du	DTTS
30	Quách Cao Cường	16/6/1992	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Ngũ Hiệp	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bằng điện)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
31	Đinh Thị Đình	24/11/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Huấn luyện thể thao	GV	GDTC	1	Ngũ Hiệp	DTTS
32	Tô Thị Bấy	04/8/1995	Nữ	Thái Bình	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Triều Khúc	
33	Vũ Thị Hương	13/3/1999	Nữ	Ninh Bình	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Triều Khúc	
34	Phạm Thị Ngọc Tuyết	02/9/1991	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Triều Khúc	
35	Nguyễn Như Duy	23/9/1996	Nam	Thái Bình	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Yên Xá	
36	Nguyễn Văn Giang	20/4/1985	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Yên Xá	
37	Trần Anh Quang	19/3/1987	Nam	Yên Bái	DH	VLVH	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Yên Xá	
38	Vũ Văn Hào	02/04/1984	Nam	An Tiến, Mỹ Đức	DH	LT	Sư phạm Mỹ Thuật	GV	Mỹ Thuật	1	Hữu Hòa	
39	Hoàng Thu Hương	22/11/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Mỹ Thuật	GV	Mỹ Thuật	1	Hữu Hòa	
40	Nguyễn Thị Huyền	29/08/1988	Nữ	Đông La, Hoài Đức	DH	CQ	Sư phạm Mỹ Thuật	GV	Mỹ Thuật	1	Hữu Hòa	
41	Lê Trà Mi	30/08/1990	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Mỹ Thuật	GV	Mỹ Thuật	1	Hữu Hòa	
42	Ninh Thị Ngọc Hà	23/02/1985	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	DH	LT-CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Hữu Hòa	DTTS
43	Nguyễn Phạm Minh Nhật	24/3/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Hữu Hòa	
44	Đỗ Thị Vân	07/3/1996	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Tân Triều	
45	Hoàng Thị Hằng	28/12/2001	Nữ	Bắc Giang	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Tân Triều	
46	Nguyễn Thị Ly Ly	10/11/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Tân Triều	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
47	Kim Văn Quyết	19/8/1990	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc (Sư phạm âm nhạc)	GV	Nhạc	1	Tân Triều	
48	Doãn Thị Kim Tuyến	29/9/1993	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Tân Triều	
49	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	12/10/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Nhạc	1	Tứ Hiệp	
50	Bùi Phương Thảo	25/02/1996	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tin học	GV	Tin	1	Hữu Hòa	
51	Giảng Nguyễn Kiên	21/09/1991	Nam	Tân Triều, Thanh Trì	DH	LT	Công nghệ thông tin	GV	Tin	1	Triều Khúc	
52	Trần Thị Hiền	05/06/1987	Nữ	Thanh Hoá	DH	CQ	Toán - Tin học	GV	Tin	1	Yên Mỹ	
53	Nguyễn Thị Yên	20/06/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	TC	CQ	Kế toán	NV	TV	1	Ngô Thị Nhậm	
54	Lê Thị Nụ	13/08/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	CD	CQ	Kế toán doanh nghiệp	NV	TV	1	Tạ Hoàng Cơ	
55	Nguyễn Thị Mai Hương	24/11/2000	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai	DH	CQ	Xã hội học	NV	TV	1	Tân Triều	
56	Bùi Thị Hường	06/05/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Thư viện - Thông tin	NV	TV	1	Tân Triều	DTTS
57	Nguyễn Thanh Thuý	22/01/1985	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Tân Triều	
58	Nguyễn Thị Hà	25/10/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Vĩnh Quỳnh	
59	Nguyễn Thị Thuý	18/10/1990	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	DH	CQ	Kế toán	NV	TV	1	Vĩnh Quỳnh	
60	Nguyễn Thị Lan Anh	30/03/1998	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
61	Nguyễn Thị Vân Anh	05/11/1993	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
62	Nguyễn Văn Anh	25/01/1998	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín	DH	LT-CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hồ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TIs, Đại học-DH, Cao đẳng-CP, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thì sinh được đào tạo ghi tài bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
63	Trần Thị Hải	Anh	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng	DH	LT-VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
64	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Ánh	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
65	Lương Thị Thanh Bình	Bình	Nữ	Hồng Minh, Phú Xuyên	DH	VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
66	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Châu	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
67	Nguyễn Thị Chinh	Chinh	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức	DH	VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
68	Nguyễn Thị Ánh Dương	Dương	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
69	Đặng Thu Hà	Hà	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
70	Nguyễn Minh Hải	Hải	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
71	Phạm Minh Hằng	Hằng	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
72	Nguyễn Thị Hoa	Hoa	Nữ	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
73	Nguyễn Thị Hòa	Hòa	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
74	Nguyễn Thu Hòa	Hòa	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
75	Nguyễn Thị Hoài	Hoài	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
76	Đàm Quốc Hưng	Hưng	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
77	Trần Thị Minh Khuong	Khuong	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
78	Huyền Thị Diệu Linh	Linh	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	
79	Vũ Thùy Linh	Linh	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột tiếng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
80	Nguyễn Thị Loan	09/07/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
81	Nguyễn Thị Lý	01/10/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	CTB
82	Nguyễn Thị Mươi	07/07/1992	Nữ	Dại Áng, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
83	Lưu Thảo My	04/07/2000	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
84	Nguyễn Thị Ngọc	24/10/1999	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
85	Trần Thị Bích Ngọc	20/01/1988	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
86	Nguyễn Phương Nhi	22/06/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
87	Đàm Thị Hồng Nhung	11/01/1995	Nữ	Quất Đông, Thường Tín	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
88	Nguyễn Thị Phương	18/01/1995	Nữ	Phượng Trung, Thanh Oai	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
89	Nguyễn Thị Lê Quỳnh	24/08/1995	Nữ	Tân Minh, Thường Tín	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
90	Nguyễn Thị Quỳnh	09/05/1998	Nữ	Phú Lương, Hà Đông	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
91	Nguyễn Thị Hồng Thắm	31/01/1999	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
92	Nguyễn Thị Hà Thành	21/04/1999	Nữ	Dại Áng, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
93	Hoàng Phương Thảo	03/03/2000	Nữ	Nghiêm Xuân, Thường Tín	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
94	Lê Anh Thơ	24/12/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	
95	Nguyễn Thị Kim Thoa	05/01/1999	Nữ	Dại Áng, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dại Áng	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
96	Ngô Mỹ Thu	27/06/2000	Nữ	Cải Linh, Đống Đa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
97	Vũ Thị Huyền Thu	16/10/2001	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
98	Dương Thị Thủy	03/07/1993	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	TC	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
99	Tạ Thị Minh Thủy	15/02/2001	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
100	Vương Thị Toàn	24/05/1995	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín	DH	CQ-VB2	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
101	Trần Thị Minh Trà	26/05/1998	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
102	Nguyễn Thu Trang	16/01/1998	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
103	Nguyễn Thu Trang	08/06/2000	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
104	Nguyễn Đăng Vương	01/05/1996	Nam	Việt Long, Sóc Sơn	DH	LT-CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dài Áng	
105	Trần Thu Hương	14/10/1996	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dạy trẻ Khuyết tật	
106	Nguyễn Thị Mai	22/01/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dạy trẻ Khuyết tật	
107	Bùi Thị Thủy	29/08/2000	Nữ	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục đặc biệt	GV	Văn hóa	1	Dạy trẻ Khuyết tật	
108	Đinh Thị Thủy	12/10/1984	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Dạy trẻ Khuyết tật	
109	Đào Phương Anh	11/01/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT-VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
110	Đoàn Thị Ngọc Anh	18/09/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT-VL VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
111	Đàm Linh Chi	17/10/1998	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
112	Ngô Thị Hương Giang	10/03/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT-VL VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
113	Trình Ngọc Hà	16/04/2001	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
114	Nguyễn Thị Hằng	26/08/1991	Nữ	Phượng Trung, Thanh Oai	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
115	Nguyễn Thị Hương	19/03/1998	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	DH	CQT-CT đào tạo	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
116	Trương Minh Mến	13/07/2001	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
117	Dương Kiều Mỹ	08/08/1996	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
118	Trương Minh Ngọc	12/06/1996	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
119	Nguyễn Thu Phương	11/03/1999	Nữ	Hải Dương	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
120	Ngô Phương Thảo	09/04/1998	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT-VL VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
121	Nguyễn Thu Thủy	05/03/1994	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
122	Đinh Thị Tuyết	28/06/1996	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
123	Nguyễn Thị Uyên	30/06/1997	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT-VL VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đỗ Ngọc Du	
124	Đỗ Ngọc Anh	02/12/2000	Nữ	Đức Giang, Long Biên	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
125	Vũ Bảo Châu	19/12/1998	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
126	Phạm Thị Tuyết Chinh	20/10/1997	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	VL VH	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
127	Tà Thị Thùy Dương	08/09/1999	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	DH	VL VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
128	Đặng Việt Hà	07/10/1997	Nữ	Minh Quang, Ba Vì	DH	LT-CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
129	Trần Ngọc Hà	07/10/1996	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
130	Nguyễn Hồng Hạnh	27/08/1998	Nữ	Nghiêm Xuân, Thường Tín	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
131	Bùi Thu Hoài	10/04/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
132	Nguyễn Thị Minh Huệ	08/11/1999	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
133	Nguyễn Thị Phương Liên	07/04/1994	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
134	Nguyễn Thị Khánh Linh	27/11/1998	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
135	Trần Thùy Linh	12/03/1996	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
136	Vũ Thị Diệu Linh	14/11/1998	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
137	Bùi Khánh Ly	05/08/1999	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
138	Nguyễn Thị Trà Mi	20/04/2001	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
139	Ngô Quỳnh Nga	25/12/1997	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy	ĐH	LT-VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
140	Nguyễn Hồng Ngọc	05/06/1998	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
141	Nguyễn Minh Ngọc	12/10/1999	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
142	Nguyễn Thảo Phương	13/10/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	LT-VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
143	Trần Thu Phương	16/06/1996	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
144	Hoàng Phương Thảo	13/12/1998	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
145	Hoàng Thị Phương Thảo	27/10/1999	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
146	Trần Phương Thảo	02/09/1994	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TSs, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
147	Ngô Thị Thoa	03/05/1998	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
148	Vũ Thanh Thư	20/01/2000	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
149	Phạm Thị Thanh Thủy	22/11/2000	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
150	Đặng Thùy Trang	03/09/1995	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
151	Nguyễn Thị Thu Trang	03/09/1998	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
152	Nguyễn Thị Thanh Tú	20/05/1998	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	DH	L.T-VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
153	Ngô Thu Uyên	14/11/1999	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
154	Nguyễn Hải Yến	30/10/1998	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà	
155	Hoàng Thị Lan Anh	09/10/1996	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
156	Hoàng Ngọc Anh	04/10/1997	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
157	Hoàng Văn Cường	09/08/1977	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
158	Hoàng Thị Thu Hà	06/06/1997	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
159	Nguyễn Thị Hà	31/10/2001	Nữ	Quảng Ninh	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
160	Trần Bùi Thái Hà	04/02/1994	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
161	Lưu Thị Hằng	22/09/2001	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
162	Nguyễn Thị Hằng	17/05/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
163	Đoàn Thị Huệ	10/07/1998	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
164	Lại Ngọc Hương	27/01/1995	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
165	Tạ Thúy Hương	26/03/1999	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
166	Trịnh Thị Thu Hương	10/12/1991	Nữ	Điện Biên, Ba Đình	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
167	Trần Thị Lan	17/01/1995	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
168	Tô Hoài Mai Linh	19/11/1999	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
169	Tương Khánh Linh	13/10/1998	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
170	Mai Thị Ngân	01/10/1996	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
171	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/03/1993	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
172	Bùi Thị Nhung	16/02/1988	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
173	Nguyễn Thị Nhung	08/03/1994	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
174	Trịnh Thu Phương	20/09/1999	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
175	Nguyễn Thị Phương	01/03/1998	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
176	Đỗ Phương Thảo	19/05/1996	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
177	Đặng Thị Thu	11/10/1991	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
178	Hoàng Thị Thúy	20/11/1988	Nữ	TDP Chng, Nam Từ Liêm	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột tiếng)	Ngày, tháng, năm sinh (đùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TIs, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thì sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp dăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
179	Nguyễn Thanh Thúy	02/01/1999	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
180	Hoàng Quỳnh Trang	08/05/2000	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
181	Lưu Thu Trang	01/06/2001	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
182	Nguyễn Thu Trang	04/01/1997	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
183	Nguyễn Ngọc Tú	18/02/2000	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
184	Nguyễn Khắc Hùng	06/12/1995	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
185	Hoàng Anh Tuyết	27/07/1997	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
186	Nguyễn Thị Y Vân	19/08/1994	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa	
187	Hoàng Thị Anh	24/12/1996	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
188	Ngô Hồng Cẩm	02/09/1999	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
189	Lê Thị Chinh	17/03/1998	Nữ	Vân Phú, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
190	Nguyễn Thị Huyền	15/07/1991	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
191	Trần Khánh Linh	15/05/1998	Nữ	Vạn Diên, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
192	Lê Thị Hồng Mến	01/05/1997	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
193	Lã Thị Hồng Minh	07/10/1998	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh	
194	Nguyễn Thùy Anh	07/09/1995	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TSs, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
195	Nguyễn Khánh Chi	27/10/1995	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
196	Lê Thị Ngọc Diệp	10/03/2000	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
197	Nguyễn Thúy Hiền	23/03/2000	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
198	Phạm Thu Hương	26/10/1995	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
199	Nguyễn Thị Lan	04/09/1996	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
200	Nguyễn Thị Thùy Linh	13/07/1992	Nữ	Kim Thư, Thanh Oai	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
201	Tổng Thị Quyên	29/08/1999	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
202	Lã Thị Phương Thảo	26/11/2000	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
203	Nguyễn Thị Thảo	10/11/1999	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
204	Phùng Thị Thùy	14/12/1999	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
205	Nguyễn Thị Trang	13/03/1998	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
206	Trịnh Huyền Trang	09/12/1996	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ-VB2	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Tân Triều	
207	Nguyễn Minh Ánh	07/08/2001	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
208	Phan Thị Minh Châu	08/03/1997	Nữ	Quảng Ngải	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
209	Nguyễn Quỳnh Chi	18/09/1999	Nữ	Quang Trung, Đống Đa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
210	Trịnh Thùy Dương	23/11/2000	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
211	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	11/08/1995	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TS, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thì sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
212	Kiều Thu	Huyền	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	—
213	Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VL-VH	Giáo dục tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	—
214	Ngô Yến	My	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	—
215	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân	DH	LT-VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
216	Vũ Thị	Nga	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
217	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
218	Dương Thị Hải	Yến	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc	
219	Mai Phương	Anh	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	DH	VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
220	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	LT-VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
221	Phạm Thùy	Dương	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	Ths	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
222	Lại Thị Thu	Hà	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
223	Chữ Minh	Hiền	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
224	Lã Thu	Hiền	Nữ	Vạn Diên, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
225	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH		Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
226	Lưu Thị Bích	Hương	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VL-VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
227	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	DH	LT-VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TSs, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
228	Nguyễn Thu Trang	12/05/2001	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
229	Trần Thị Yên	16/04/1989	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng	
230	Trần Thúy An	04/10/2000	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
231	Lê Quỳnh Anh	24/07/1999	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
232	Nguyễn Thị Mai Anh	19/12/1983	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
233	Nguyễn Thị Mai Anh	08/11/1998	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
234	Phùng Lan Anh	22/07/1999	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	LT-CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
235	Lê Thị Minh Châu	02/10/1999	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
236	Nguyễn Thị Chiém	20/02/1997	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
237	Dương Thị Hương Giang	17/02/1988	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
238	Nguyễn Thu Hà	17/11/1996	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
239	Phạm Thu Hà	20/12/1999	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
240	Nguyễn Thanh Hằng	07/01/1999	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
241	Nguyễn Thị Thanh Hằng	01/03/1995	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	Ths	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
242	Trần Thúy Hiền	15/07/2001	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
243	Đỗ Thị Hoa	23/05/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột tiếng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TIs, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
244	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	15/05/2000	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
245	Trần Thị Thu Huệ	15/08/1999	Nữ	Từ Hiệp, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
246	Phạm Thanh Hương	08/01/1998	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
247	Đặng Thanh Huyền	12/02/1998	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
248	Hoàng Ngọc Huyền	19/08/1998	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
249	Nguyễn Thị Huyền	08/04/1988	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
250	Nguyễn Thị Thanh Huyền	17/06/1999	Nữ	La Khê, Hà Đông	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
251	Nguyễn Hồng Khuyên	24/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
252	Nguyễn Thị Tuyết Lan	26/08/1995	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
253	Ngô Thị Hải Liên	09/09/1993	Nữ	Bắc Ninh	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
254	Dương Quế Linh	09/10/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
255	Nguyễn Trà My	17/12/1997	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
256	Lê Minh Ngọc	11/02/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
257	Nguyễn Thị Phương	26/02/1997	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
258	Dương Thị Thanh	08/11/1994	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
259	Vũ Phương Thảo	12/05/1998	Nữ	Nam Định	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
260	Chữ Linh Trang	24/05/1999	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
261	Phạm Cẩm Tú	06/07/2000	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
262	Nguyễn Hồng Yến	01/06/1999	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ	
263	Đỗ Thị Ngọc Anh	30/04/1998	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai	DH	TC	Giáo dục tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
264	Nguyễn Huyền Anh	03/10/1997	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
265	Nguyễn Phương Anh	24/02/1998	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
266	Nguyễn Thị Phương Anh	12/03/1995	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
267	Nguyễn Thị Phương Anh	15/09/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	LT-CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
268	Bùi Nguyễn Diên	09/01/1988	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân	DH	LT-VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
269	Nguyễn Hồng Diệp	24/07/2000	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
270	Nguyễn Thị Dung	17/06/1996	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
271	Trần Hương Giang	07/11/2000	Nữ	Đỗ Đông, Thanh Oai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
272	Nguyễn Thanh Hà	28/11/1998	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
273	Phạm Thị Hà	03/02/1992	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
274	Đinh Thúy Hằng	12/09/1995	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
275	Nguyễn Minh Hằng	04/08/1998	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	LT-VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
276	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/02/1996	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột tiếng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TSs, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
277	Hoàng Hồng Hạnh	25/03/1996	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
278	Lê Thị Thu Hiền	01/07/1998	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
279	Bùi Mai Hoa	23/10/1998	Nữ	Vinh Quỳnh, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
280	Phạm Thị Hoa	28/12/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
281	Vũ Diệu Hoa	20/06/2001	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
282	Vũ Thị Như Hồng	05/11/1994	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
283	Trương Thị Thanh Huyền	20/12/1999	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
284	Lê Khánh Linh	27/11/1999	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	DH	TC	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
285	Nguyễn Ngọc Linh	05/06/2001	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
286	Nguyễn Thị Lương	25/12/1994	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
287	Nguyễn Thị Phương Nga	10/03/1997	Nữ	Phúc La, Hà Đông	DH	TC	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
288	Bùi Thanh Ngân	06/02/2001	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
289	Nguyễn Hồng Ngân	12/01/2001	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
290	Nguyễn Bích Ngọc	06/04/1999	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
291	Trần Thị Nga Ngọc	27/10/1996	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
292	Đinh Thị Ánh Nguyệt	15/11/1988	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiến sỹ- Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học- DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
293	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/03/1997	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
294	Phạm Thị Nguyệt	20/04/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
295	Lê Kiều Oanh	13/03/1998	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
296	Nguyễn Thị Phương	15/10/2000	Nữ	Bắc Ninh	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
297	Kiều Thị Phương	31/01/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức	DH	LT-VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
298	Nguyễn Loan Phương	23/05/1997	Nữ	hạnh Xuân Trung, Thanh Xuân	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
299	Công Phương Thảo	07/10/1998	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
300	Nguyễn Thị Thảo	18/04/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
301	Bùi Thị Minh Thư	12/01/1994	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
302	Nguyễn Thị Hồng Thúy	10/11/1999	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
303	Nguyễn Phương Thúy	27/08/2001	Nữ	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
304	Trần Lệ Thủy	24/06/1996	Nữ	Viên An, Ứng Hòa	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
305	Chu Thị Trang	24/05/1983	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
306	Hà Thu Uyên	28/02/2000	Nữ	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	DTTS
307	Nguyễn Hải Yến	28/11/2001	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
308	Nguyễn Thị Yến	11/01/1990	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	
309	Đào Vũ Quỳnh Anh	13/12/2000	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu họ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
310	Nguyễn Thùy Anh	13/06/1999	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
311	Tạ Thị Lan Anh	10/03/1993	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
312	Vương Thị Hằng	06/02/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
313	Lê Thị Thanh Hoa	02/02/1984	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	DH	CQ	Tiếng Anh Khoa học kỹ thuật và công nghệ	GV	Anh	2	Chu Văn An	
314	Vũ Thị Huyền	30/08/1989	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
315	Nguyễn Thị Lan	16/09/1992	Nữ	Liên Phương, Thường Tín	DH	CQ	Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
316	Đỗ Quỳnh Linh	23/06/1996	Nữ	Lạc Long Quân, Cầu Giấy	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
317	Phạm Thị Diệu Linh	12/05/1993	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
318	Nguyễn Thị Nga	10/08/1987	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
319	Trần Thị Ngọc	25/07/1992	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ	DH	VL VH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
320	Nguyễn Thị Nhân	12/12/1989	Nữ	Nam Định	ThS	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
321	Đỗ Thị Phương	06/11/1988	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CT	Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
322	Quách Thị Quỳnh	12/12/1996	Nữ	Lê Lợi, Thường Tín	DH	VL VH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
323	Phạm Anh Thư	10/03/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
324	Nguyễn Thị Thùy	16/08/1996	Nữ	Thường Tín, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	
325	Nguyễn Thị Thu Trang	07/11/1994	Nữ	Vân Từ, Thường Tín	DH	TX	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Chu Văn An	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột tiếng)	Ngày, tháng, năm sinh (đùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TIs, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
326	Trương Thanh Mai	28/06/1997	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Hối	
327	Nguyễn Mai Phương	09/10/1994	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ	Ths	CQ	Ngôn ngữ học	GV	Anh	2	Ngọc Hối	
328	Phan Vi Phương	16/11/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Hối	
329	Nguyễn Thị Thu Trang	14/10/1992	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Hối	
330	Đặng Hải Yến	04/02/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Hối	
331	Phùng Thái Hà	09/09/1997	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
332	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/10/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
333	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/01/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
334	Đinh Thị Thu Linh	28/08/1989	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ThS	LK	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
335	Nguyễn Thị Thanh Nga	09/11/1987	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
336	Nguyễn Hồng Nhung	29/11/1996	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
337	Vũ Ngọc Trang	29/06/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp	
338	Nguyễn Thị Phương Anh	02/03/1999	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
339	Nguyễn Thị Định	14/05/1988	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
340	Lê Hải Dung	23/11/1993	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	CQ	Quốc tế học Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
341	Nguyễn Khánh Linh	16/05/1999	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chi ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TiS, Đại học-DH, Cao đẳng-CP, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
342	Nghiêm Thị Hồng Tâm	26/03/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
343	Phạm Lê Thanh	22/01/1996	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	CBB
344	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/04/1999	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
345	Đặng Diệu Thùy	27/01/1997	Nữ	Ninh Bình	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
346	Lê Thị Thủy	18/06/1998	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
347	Lưu Thị Hải Yến	04/12/1994	Nữ	Đỗ Đông, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm song ngữ Trung - Anh	GV	Anh	2	Tà Thanh Oai	
348	Lê Việt An	18/12/1998	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tam Hiệp	
349	Phạm Thị Dung	01/11/1989	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tam Hiệp	
350	Phạm Thị Huệ	08/11/1980	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tam Hiệp	
351	Nguyễn Hải Yến	26/6/1997	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tam Hiệp	
352	Nguyễn Khánh Linh	20/10/2001	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hoà	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thị trấn Văn Điển	
353	Trương Thị Khánh Linh	12/07/1997	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thị trấn Văn Điển	
354	Nguyễn Thị Thanh Loan	22/09/1995	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thị trấn Văn Điển	
355	Đoàn Văn Mạnh	19/09/1998	Nam	Thắng Lợi, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thị trấn Văn Điển	
356	Phan Thị Yến	17/04/1998	Nữ	Hưng Yên	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thị trấn Văn Điển	
357	Trần Thị Tuyết Mai	06/08/1977	Nữ	Phú Đỗ, Nam Từ Liêm	DH	TC	Tiếng Anh - Sư phạm	GV	Anh	2	Vạn Phúc	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX,...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diễn ưu tiên (ghi tắt)
358	Đàm Thanh Quyền	16/09/1988	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa	DH	CQ-LT	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Vạn Phúc	
359	Nguyễn Thị Tuyết	16/04/1988	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Vạn Phúc	
360	Nguyễn Chuẩn Minh	15/04/1989	Nam	Nam Phong, Phú Xuyên	DH	LT	SP Toán	NV	CNTT	2	Tà Thanh Oai	
361	Nghiêm Thị Diệu Thủy	28/10/1986	Nữ	Kim An, Thanh Oai	DH	CQ	Công nghệ thông tin	NV	CNTT	2	Tà Thanh Oai	
362	Bùi Như Ý	07/11/1998	Nam	Nam Định	DH	CQ	Công nghệ thông tin	NV	CNTT	2	Tà Thanh Oai	
363	Nguyễn Văn Nhất	22/03/1994	Nam	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Công nghệ	GV	Công nghệ	2	Chu Văn An	
364	Nguyễn Tú Oanh	22/06/1995	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	GV	Công nghệ	2	Chu Văn An	
365	Trần Thị Hồng Ngọc	01/12/2001	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Công nghệ	GV	Công nghệ	2	Chu Văn An	
366	Lại Ngọc Ánh	27/02/1997	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Ngũ Hiệp	
367	Ngô Văn Chuyển	28/10/1973	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	Ths	CQ	Địa lý học	GV	Địa	2	Ngũ Hiệp	
368	Nguyễn Triệu Huy	13/02/1996	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Ngũ Hiệp	
369	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	01/7/1993	Nữ	Nghiêm Xuân, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Tam Hiệp	DTTS
370	Nguyễn Thị Mai	08/3/1997	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	2	Vạn Phúc	
371	Trần Thị Phương	28/6/1986	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	DH	CQ	Địa nhân văn và kinh tế sinh thái	GV	Địa	2	Vạn Phúc	
372	Đặng Thị Thu Hằng	19/02/1995	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	VLVH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	2	Thanh Liệt	
373	Nguyễn Thị Mến	01/7/1991	Nữ	Hà Nam	DH	CQ	Sư phạm Giáo dục công dân	GV	GDCD	2	Thanh Liệt	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiến sỹ- Ts, Thạc sỹ- Ths, Đại học- DH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
374	Đàm Thùy Trang	14/02/2001	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục công dân	GV	GD CD	2	Thanh Liệt	
375	Phạm Thị Trang	02/10/1992	Nữ	Thanh Hóa	DH	CQ	Giáo dục chính trị - Giáo dục quốc phòng	GV	GD CD	2	Thanh Liệt	
376	Nguyễn Hà Bắc	14/11/1998	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Hữu Hòa	
377	Nguyễn Tấn Chiến	07/05/1999	Nam	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Hữu Hòa	CB CD
378	Đỗ Ngọc Bách	02/01/1997	Nam	Tân Minh, Thường Tín	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Liên Ninh	
379	Nguyễn Tiến Hà	20/02/1996	Nam	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Liên Ninh	
380	Nguyễn Xuân Hà	29/06/1999	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Liên Ninh	
381	Nguyễn Tiến Đạt	17/10/1999	Nam	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Ngọc Hồi	
382	Bùi Quang Lâm	09/09/1996	Nam	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Ngọc Hồi	
383	Nguyễn Đăng Trí	26/06/1999	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Ngũ Hiệp	
384	Kiều Như Đạt	23/12/1995	Nam	Minh Đức, Ứng Hoà	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tả Thanh Oai	
385	Phạm Văn Hiền	14/11/1998	Nam	Quảng Ninh	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tả Thanh Oai	
386	Hồ Huyền Trang	03/11/1993	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tả Thanh Oai	
387	Vũ Thị Thu Trang	18/04/1998	Nữ	Ninh Bình	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tả Thanh Oai	
388	Nguyễn Văn Khánh Trường	05/10/1996	Nam	Phụng Châu, Chương Mỹ	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tả Thanh Oai	
389	Nguyễn Minh Quang	27/02/2001	Nam	Phú Thọ	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tam Hiệp	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TThs, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, tạo (CQ, TC, TX,...)	Nghành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
390	Hoàng Tuấn Quyền	09/01/1998	Nam	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	2	Thanh Liệt	
391	Ngô Thi Hương	02/01/1990	Nữ	Hải Dương	Ths	CQ	Hóa học	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	
392	Bồ Thị Linh	28/04/1998	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm	DH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	
393	Nguyễn Hà Hương Ngươn	08/06/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây	Ths	CQ	Hóa vô cơ	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	CDCB
394	Nguyễn Hồng Phúc	15/04/2001	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	
395	Hoàng Như Quỳnh	05/12/1992	Nữ	Nam Tiến, Phú Xuyên	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	
396	Hoàng Thanh Tâm	23/07/1995	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất	DH	CQ	Hóa học	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	CTB
397	Nguyễn Thùy Trang	12/02/1991	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Ngọc Hồi	
398	Nguyễn Nhị Hà	20/09/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	Ths	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
399	Lê Thị Thủy Hằng	17/10/1979	Nữ	Dại Kim, Hoàng Mai	DH	VLVH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
400	Lê Thanh Hoài	27/11/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
401	Hoàng Thị Hồng	28/12/1994	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
402	Nguyễn Thanh Mai	05/09/1991	Nữ	La Khê, Hà Đông	Ths	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
403	Phạm Văn Tuấn	01/05/1994	Nam	Thái Nguyên	Ths	CQ	Hóa học hữu cơ	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
404	Vũ Thị Hồng Tuyền	12/6/1991	Nữ	Phú Thọ	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	
405	Lê Thúy Vân	02/02/2001	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Hóa	2	Thị trấn Văn Điển	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hồ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
406	Lương Thị Hồng	02/1/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp	
407	Vũ Thị Lan	24/6/1998	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp	
408	Tô Thùy Linh	21/06/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	Ths	CQ	Hóa phân tích	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp	
409	Tô Yến Ly	02/03/2000	Nữ	Thái Bình	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp	
410	Lê Thị Thắm	12/12/1992	Nữ	Phù Đồng, Gia Lâm	Ths	CQ	Hóa phân tích	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp	
411	Nguyễn Thị Thu Trang	06/10/1990	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp	
412	Phan Thị Ánh	19/10/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
413	Phạm Minh Hằng	15/12/1998	Nữ	Đồng Mỹ, Thanh Trì	DH	VL VH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
414	Ngô Thu Hiền	01/05/1994	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
415	Bùi Minh Hường	11/10/1994	Nữ	Nam Định	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
416	Nguyễn Hồng Ngọc	22/7/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
417	Nguyễn Minh Phương	07/01/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
418	Nguyễn Văn Thanh Thủy	25/8/1991	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh	
419	Đoàn Phương Anh	23/12/1998	Nữ	Trung Hưng, Đống Đa	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối	
420	Đoàn Thu Hằng	05/02/1998	Nữ	Phù Diễn, Bắc Từ Liêm	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối	
421	Nguyễn Thị Hào	08/12/1998	Nữ	Hưng Yên	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ- Ts, Thạc sỹ- Ths, Đại học- DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp- TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
422	Chu Thị Diệu Hoa	07/9/1993	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
423	Nguyễn Thu Huyền	08/10/2000	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
424	Nguyễn Thị Lịch	10/02/1996	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	VL.VH	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
425	Nguyễn Thị Liên	03/6/1991	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức	Ths	CQ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
426	Thân Thị Loan	14/5/1995	Nữ	Bắc Giang	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
427	Lê Thị Hoài Ngọc	26/9/2001	Nữ	Liên Phương, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Vật lý (chất lượng cao)	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
428	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
429	Phạm Văn Nguyễn	27/8/1994	Nam	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
430	Đặng Thị Nhung	26/9/1994	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
431	Trương Thúy Oanh	13/02/1998	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
432	Nguyễn Thị Thái	05/8/1987	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	Ths		Vật lý nhiệt	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
433	Đinh Thị Thu Thủy	12/3/1998	Nữ	Kim Liên, Đống Đa	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
434	Nguyễn Thu Thủy	13/10/1999	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
435	Lê Thị Tình	26/3/1990	Nữ	Thanh Hóa	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
436	Lê Mạnh Toàn	23/6/1995	Nam	Văn Đức, Gia Lâm	DH	VH.VL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hồi	
437	Nguyễn Thị Hồng Thắm	13/9/1996	Nữ	Hải Dương	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngũ Hiệp	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
438	Nguyễn Phương Thảo	30/10/1995	Nữ	Nghiêm Xuân, Thường Tín	Ths	CQ	Vật lý học	GV	Lý	2	Ngũ Hiệp	
439	Nguyễn Thị Trang	18/11/1988	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	Ths	CQ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	GV	Lý	2	Ngũ Hiệp	
440	Nguyễn Thị Uyên	12/12/1994	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học Vật lý	GV	Lý	2	Ngũ Hiệp	
441	Nguyễn Thị Thanh Hoa	31/01/1997	Nữ	Yên Bái	DH	CQ	Thiết kế thời trang	GV	Mỹ thuật	2	Chu Văn An	
442	Nguyễn Thị Thu Linh	09/02/1983	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	2	Tứ Hiệp	
443	Phạm Văn Dũng	18/9/1985	Nam	Cao Dương, Thanh Oai	DH	VHVL	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Chu Văn An	
444	Đặng Quang Huy	14/11/1983	Nam	Trần Phú, Hoàng Mai	DH	CQ-LT	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Chu Văn An	
445	Trần Thị Thùy Dương	09/8/1998	Nữ	Bắc Giang	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Thanh Liệt	
446	Hoàng Trọng Huân	12/9/1997	Nam	Hưng Yên	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Thanh Liệt	
447	Nguyễn Thị Liên	16/05/1991	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Thanh Liệt	
448	Nguyễn Kim Anh	09/9/1990	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp	GV	Sinh	2	Hữu Hòa	
449	Lê Phương Hoa	19/01/1990	Nữ	Linh Đàm, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Sinh - Hóa	GV	Sinh	2	Hữu Hòa	
450	Bùi Thị Thanh Hương	04/7/1990	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	Ths	CQ	Sinh học thực nghiệm	GV	Sinh	2	Hữu Hòa	
451	Dương Thị Nhung	16/7/1995	Nữ	Hà Nam	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Hữu Hòa	
452	Lê Thị Thoáng	01/11/1989	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	DH	CQ-LT	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Hữu Hòa	
453	Bồ Thủy Vân	21/5/1998	Nữ	Thạch Thất, Quốc Oai	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Hữu Hòa	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
454	Lê Thị Trang	Anh	Nữ	Phường Dục, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
455	Phạm Thị Thủy	Hà	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
456	Vũ Thị Hồng	Nữ	Nữ	Hưng Yên	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
457	Lê Thị Nhung	Nữ	Nữ	Thanh Hóa	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
458	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Nữ	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
459	Nguyễn Kim Anh Phương	Nữ	Nữ	Biển Giang, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
460	Phạm Ngọc Quỳnh	Nữ	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
461	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Hồi	
462	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Chu Văn An	
463	Dương Thị Lợi	Nữ	Nữ	Ninh Bình	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Chu Văn An	
464	Hoàng Thị Ngọc	Nữ	Nữ	Lạng Sơn	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Chu Văn An	DTTS
465	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	Ths	CQ	Lịch sử thế giới	GV	Sử	2	Chu Văn An	
466	Trần Văn Chanh	Nam	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngũ Hiệp	
467	Ngô Thị Thanh Thủy	Nữ	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân	Ths	CQ	Lịch sử Đảng	GV	Sử	2	Ngũ Hiệp	CTB
468	Dương Hồng Trang	Nữ	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngũ Hiệp	
469	Phạm Thị Huệ	Nữ	Nữ	Hà Tĩnh	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Tả Thanh Oai	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ- Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điện)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
470	Bùi Thu Huyền	26/04/1990	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sư	2	Vĩnh Quỳnh	
471	Quản Thị Khoái	20/01/1993	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên	DH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sư	2	Vĩnh Quỳnh	
472	Trần Thị Lương	21/06/1994	Nữ	Hồng Minh, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sư	2	Vĩnh Quỳnh	
473	Nguyễn Sơn Hoàng	18/12/1996	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm	DH	VLVH	Sư phạm Hóa học	NV	TB/TN	2	Tam Hiệp	
474	Nguyễn Thị Ánh	03/01/1995	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	NV	TB/TN	2	Thanh Liệt	
475	Đặng Thị Nhung	04/9/1990	Nữ	Phúc La, Hà Đông	DH	CQ	Vật lý	NV	TB/TN	2	Thanh Liệt	
476	Nguyễn Thị Thạo	23/11/1991	Nữ	Phủ Đông, Ba Vì	DH	CQ-LT	Sư phạm Vật lý	NV	TB/TN	2	Thanh Liệt	
477	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11/8/1998	Nữ	Thái Nguyên	DH	VLVH	Sư phạm Tin học	GV	Tin	2	Tả Thanh Oai	
478	Vũ Thị Quyên	27/10/1990	Nữ	Nam Định	Ths	CQ	Công nghệ thông tin	GV	Tin	2	Tân Triều	
479	Nguyễn Tuyết Chinh	18/10/1996	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
480	Phạm Tiến Cường	21/01/1995	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
481	Phạm Kiều Dung	03/12/1995	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
482	Nguyễn Thị Thuý Hằng	02/10/1998	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
483	Trần Thị Hằng	29/11/1998	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
484	Nguyễn Thị Hiên	28/05/1998	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
485	Trần Việt Hoàng	22/10/2001	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
486	Nguyễn Đình Hưng	11/10/1994	Nam	Đại Áng, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điện)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
487	Nguyễn Cao Khánh	07/05/1998	Nam	Việt Hùng, Đông Anh	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
488	Lê Thị Mai	05/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
489	Trần Thị Mận	14/06/1989	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín	DH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
490	Bùi Thị Ngân	31/10/1997	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
491	Nguyễn Kim Oanh	24/11/1998	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
492	Nguyễn Thị Minh Tâm	28/03/1998	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Chu Văn An	
493	Lê Thị Phương Thảo	24/08/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
494	Lý Trần Phương Trang	24/08/2000	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
495	Phạm Thị Phương Thu	14/12/1998	Nữ	Vân Tý, Thường Tín	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
496	Trần Thanh Thủy	08/05/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	CBB
497	Nguyễn Tuấn Việt	03/11/2001	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
498	Nguyễn Thị An	19/02/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	
499	Đào Quang Anh	17/04/1998	Nam	Cao Viên, Thanh Oai	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	
500	Nguyễn Thị Hối	15/03/1993	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hoà	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	
501	Nguyễn Thị Khánh Ly	15/11/2001	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	
502	Trương Thị Ngọc Mai	06/02/1993	Nữ	Giang Biên, Long Biên	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	
503	Tổng Văn Phúc	01/09/1989	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
504	Phạm Bá Tuấn	26/07/1997	Nam	Phú Lương, Hà Đông	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tả Thanh Oai	
505	Nguyễn Mạnh Trung Anh	23/01/2000	Nam	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
506	Trần Phương Anh	06/05/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
507	Nguyễn Văn Đức	10/05/1996	Nam	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
508	Phạm Anh Dũng	03/11/1998	Nam	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
509	Nguyễn Thị Thu Hà	05/05/1997	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
510	Đỗ Thị Hằng	21/11/1994	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
511	Hoàng Thị Thu Hương	02/07/1996	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
512	Phạm Văn Lực	29/12/1994	Nam	Duyên Hà, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
513	Chữ Thị Hương Ly	13/09/2000	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
514	Phượng Thị Phương	15/05/1996	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
515	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Nữ	Ninh Bình	Ths	CQ	LL và PPHD bộ môn Toán, Cử nhân SP Toán	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
516	Phùng Thị Ngọc Thuý	12/10/1996	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
517	Nhân Thị Hải Yến	30/09/2000	Nữ	Ngọc Hối, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
518	Hoàng Bích Ngọc	23/09/1990	Nữ	Vân Diên, Thanh Trì	ThS	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
519	Nguyễn Thị Thanh Thanh	12/08/1999	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chi ghi xã, huyện; nếu hồ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
520	Vũ Thị Thanh	Thúy	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An	
521	Lê Thị Minh	Bắc	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức	DH	VL.VH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
522	Vũ Thị	Hằng	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
523	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
524	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
525	Vũ Minh	Hiếu	Nam	Phượng Canh, Nam Từ Liêm	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
526	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai	DH	VL.VH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
527	Trần Mai	Hương	Nữ	Vân Diên, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
528	Đỗ Thị	Hương	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hoà	DH	CQ	Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
529	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	Dân Hoà, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
530	Kiều Diễm	Lan	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
531	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
532	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
533	Nguyễn Văn	Nam	Nam	Cao Thành, Ứng Hoà	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
534	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
535	Đỗ Thị Kiều	Ngân	Nữ	Ngọc Hoà, Chương Mỹ	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng đính)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
536	Chữ Thị Trang	Nhung	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
537	Phạm Phương	Thào	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai	DH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
538	Vũ Mạnh	Tiến	Nam	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
539	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
540	Nguyễn Bảo	Uyên	Nữ	Thương Lâm, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
541	Nguyễn Thu	Thào	Nữ	Hưng Yên	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai	
542	Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
543	Lô Minh	Ánh	Nữ	Nghệ An	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	DTTS
544	Nguyễn Hà	Chi	Nữ	Đồng Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
545	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ	ThS	CQ	Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
546	Nguyễn Duy	Đại	Nam	Chu Phan, Mè Linh	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
547	Nguyễn Huy	Du	Nam	Bích Hoà, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
548	Đào Thị Thanh	Dung	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên	Ths	CQ	Toán giải tích, Cử nhân SP Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
549	Trần Thùy	Dương	Nữ	Đồng Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
550	Dương Thu	Hà	Nữ	Phú Châu, Ba Vì	ThS	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
551	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	Đồng Mỹ, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-THS, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)
552	Nguyễn Thu Hà	30/11/2000	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
553	Trần Thanh Hằng	17/08/1996	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
554	Nguyễn Thị Minh Hiếu	06/08/2001	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
555	Hoàng Thị Hoa	30/06/1992	Nữ	Đài Thành, Quốc Oai	DH	CQ	Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
556	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10/09/1999	Nữ	Minh Cường, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
557	Nguyễn Thị Khuyên	30/12/1995	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
558	Nguyễn Khánh Linh	30/08/1998	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	LTCQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
559	Nguyễn Thị Phương Linh	03/04/1995	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
560	Nguyễn Thị Mai	11/01/1994	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hoà	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
561	Nguyễn Phương Nam	15/11/1996	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
562	Phạm Thành Nam	16/11/1995	Nam	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
563	Trương Hồng Ngát	29/08/1996	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
564	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/04/1996	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
565	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
566	Lã Cẩm Nhung	15/11/1997	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
567	Lê Thị Kim Oanh	02/09/1995	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
568	Đàm Mạnh Tiến	08/05/1995	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hồ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TThs, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điện)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
569	Trần Thu Trang	22/01/1996	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
570	Trần Anh Võ	19/7/1987	Nam	Lào Cai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
571	Nguyễn Thị Cẩm Ly	28/09/2001	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	
572	Lã Tuấn Anh	03/07/1993	Nam	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
573	Lê Thị Phương Đông	29/03/1995	Nữ	Hoà Bình, Thường Tín	DH	LT-CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
574	Nguyễn Hương Giang	01/01/1999	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
575	Nguyễn Thị Hiền	23/10/1998	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
576	Nguyễn Thị Thuý Linh	16/02/1995	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
577	Nguyễn Thị Ly	01/01/1998	Nữ	Tự Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
578	Bùi Bích Phương	16/03/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
579	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	Phương Tú, Ứng Hoà	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
580	Phạm Thị Thuý Trang	18/10/1995	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc	
581	Đỗ Thị Hà An	24/06/1980	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	DH	CQ	Nông học	NV	TV	2	Đông Mỹ	
582	Nguyễn Tiến Đạt	24/10/1994	Nam	Tự Hiệp, Thanh Trì	CD	CQ	Giáo dục thể chất	NV	TV	2	Đông Mỹ	
583	Nguyễn Thị Hoa	18/12/1988	Nữ	Dại Hưng, Mỹ Đức	DH	CQ-LT	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
584	Lê Lan Hương	25/10/1998	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội, ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TThs, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bang diện)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
585	Phan Khánh	Huyền	Nữ	Vinh Hưng, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
586	Đoàn Thị Thủy	Linh	Nữ	Liên Phương, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
587	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	Vinh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
588	Nguyễn Tú	Linh	Nữ	Vinh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
589	Trần Thảo	Linh	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
590	Lê Phi	Long	Nam	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
591	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
592	Phùng Thị Anh	Ngọc	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
593	Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
594	Trần Thu	Trang	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà	
595	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	
596	Lê Minh	Anh	Nữ	Quang Trung, Đống Đa	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	
597	Trần Thị	Hằng	Nữ	Xuân Đình, Phúc Thọ	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	CTB
598	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Hà Đông	DH	VHVL	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	
599	Nguyễn Ngọc	Hoa	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	
600	Lê Thị	Hương	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ThS	CQ	Văn học Việt Nam	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	
601	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TS, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
602	Nguyễn Thị Phương Huyền	05/11/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
603	Lê Thị Ngọc Linh	14/02/1996	Nữ	Văn Nghĩa, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
604	Dặng Thị Loan	26/10/1995	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
605	Đỗ Thị Thanh Nhân	14/11/1997	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
606	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/11/1991	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông	ThS	CQ	Văn học Việt Nam (trung đại)	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
607	Đình Văn Thảo	14/05/1984	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì	DH	TC	Văn học	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
608	Nguyễn Thị Thu	26/06/1996	Nữ	Bắc Ninh	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
609	Nguyễn Thị Huyền Vi	27/08/2000	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai	
610	Nguyễn Tiến Anh	13/08/1999	Nam	Trung Tự, Đống Đa	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
611	Trần Thị Vân Anh	08/02/2000	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
612	Nguyễn Thị Lệ Hằng	27/07/1998	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
613	Đỗ Thị Minh Huệ	18/01/1986	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
614	Phùng Thị Lam	11/09/1994	Nữ	Phú Thọ	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	DTTS
615	Nguyễn Phương Linh	22/12/2000	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
616	Hoàng Thị Minh	07/11/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	DH	CQLT	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
617	Hoàng Hà Thu	03/05/1996	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	
618	Trần Thị Thuý	22/05/1988	Nữ	Ngũ Hoa, Cầu Giấy	ThS	CQ	Lí luận Văn học	GV	Văn	2	Tam Hiệp	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-TThs, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
619	Thái Thị Ái	03/03/1993	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
620	Lê Thị Tú Anh	30/10/1997	Nữ	Thái Bình	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
621	Lưu Thị Hải Anh	17/03/1993	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín	THs	CQ	Văn học Việt Nam	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
622	Nguyễn Phương Anh	04/09/2001	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
623	Phạm Thị Trung Anh	08/02/2001	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
624	Ngô Thuỷ Dung	24/05/2000	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
625	Hoàng Văn Nam	21/08/1992	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	VL.VH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
626	Trần Tuệ Ninh	20/06/1989	Nữ	Tân Minh, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
627	Nguyễn Thị Trang Thơ	07/03/1999	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
628	Đào Thị Thanh Xuân	06/11/1996	Nữ	Văn Phú, Thường Tín	DH	VL.VH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc	
629	Nguyễn Thanh Ban	07/01/1998	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn	CD	CQ	Điều dưỡng	NV	VT	2	Hữu Hòa	
630	Tào Thị Hay	08/11/1985	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	TC	CQ	Văn thư lưu trữ	NV	VT	2	Hữu Hòa	
631	Chu Thị Thanh Mai	11/11/1989	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	CQ	Tài chính ngân hàng	NV	VT	2	Hữu Hòa	
632	Hoàng Thị Hoài Dung	14/9/1993	Nữ	Phú Thọ	Ths	CQ	Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	
633	Nguyễn Thị Hồng	27/4/1998	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	
634	Kiều Thị Hương Mai	29/8/1996	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thì sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)
635	Nguyễn Thị Nhung	05/6/1988	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	Ths	CQ	Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	CBB
636	Nguyễn Trang	08/4/1995	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	
637	Mai Hải Trang	07/4/1989	Nữ	Văn Bình, Thường Tín	DH	CQ	Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	
638	Nguyễn Thị Xoan	13/02/1995	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX	
639	Nguyễn Lê Ngọc Anh	19/10/1998	Nữ	Nghiêm Xuân, Thường Tín	DH	CQ	Giáo dục thể chất	HLV	TDTT	4	Trung tâm VHTTTT	
640	Nguyễn Thành Luân	28/05/2001	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Vô thuật	HLV	TDTT	4	Trung tâm VHTTTT	

Ghi chú:

- Viết tắt của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển: Giáo viên: GV; Nhân viên: NV; Huấn luyện viên: HLV
- Viết tắt của các môn đăng ký dự tuyển: Giáo dục công dân: GDGD; Giáo dục thể chất: GDTC; Công tác Thư viện: TV; Công nghệ thông tin: CNTT; Thiết bị, thí nghiệm: TBTN; Văn thư: VT; Nghiệp vụ Thể dục Thể thao: TDTT.
- Viết tắt diện ưu tiên: Con thương binh: CTB; con bệnh binh: CBB; con thương bệnh binh: CTBB; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: CDCD; dân tộc thiểu số: DTTS



DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 55/6. QĐ-UBND ngày 5/4/2023 của UBND huyện Thanh Trì)

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi dấu chấm/yyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, CO, tạo (CQ, TC, TX...))	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
1	Đinh Thị Ngọc Mai	18/03/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Ngọc Hối		Không nộp lệ phí tuyển dụng
2	Bùi Thị Hằng	08/11/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Tân Triều	DTTS	Không nộp lệ phí tuyển dụng
3	Đỗ Thị Bích Liên	16/04/1995	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Triều Khúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
4	Nguyễn Thị Miên	21/02/1995	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
5	Đỗ Minh Nguyệt	10/10/1993	Nữ	Nam Định	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
6	Nguyễn Thị Xuyên Trang	16/11/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
7	Triều Thị Diệu	15/02/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm	DH	CQ	Sư phạm Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Triều Khúc	DTTS	Không nộp lệ phí tuyển dụng
8	Lê Diệp Linh	12/3/1998	Nữ	Thái Bình	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Triều Khúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
9	Phạm Thị Anh	16/7/2001	Nữ	Thái Bình	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
10	Nguyễn Xuân Quang	29/9/1996	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
11	Trần Thanh Công	16/6/1997	Nam	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
12	Nguyễn Đức Huy	20/02/1988	Nam	Xuy Xá, Mỹ Đức	DH	CQ+LT	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
13	Nguyễn Trường Trung	22/10/1982	Nam	Phụng Châu, Chương Mỹ	DH	VLVH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
14	Nguyễn Thị Mai Hương	27/4/1998	Nữ	Phú Yên	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Tân Triều		Không nộp lệ phí tuyển dụng
15	Nguyễn Thị Lan	14/10/1996	Nữ	Tào Dương Văn, Ứng Hoà	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Tân Triều		Không nộp lệ phí tuyển dụng
16	Nguyễn Thị Phương Anh	01/01/1996	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đài Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
17	Phạm Thị Phương Anh	18/07/1999	Nữ	Thăng Lới, Thường Tín	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đài Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-ThS, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (gửi tắt)	Lý do
18	Nguyễn Thị Minh Hoàn	11/12/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
19	Nguyễn Quỳnh Mai	28/05/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
20	Tạ Thị Mơ	16/02/1993	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/03/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
22	Phạm Thị Tâm	24/10/1998	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
23	Đinh Thị Phương Thảo	08/04/1997	Nữ	Khanh Hà, Thường Tín	DH	CQT-CT đào tạo	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
24	Nguyễn Thị Thom	10/04/1997	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
25	Hà Ngọc Thủy	30/09/1998	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
26	Lương Hà Vi	18/06/2000	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Đại Áng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
27	Nguyễn Diệp Anh	25/03/1999	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà		Không nộp lệ phí tuyển dụng
28	Phùng Vân Anh	10/01/1999	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà		Không nộp lệ phí tuyển dụng
29	Đỗ Thị Nhung	14/04/1994	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà		Không nộp lệ phí tuyển dụng
30	Lê Thu Trang	07/07/1997	Nữ	Vân Bình, Thường Tín	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà		Không nộp lệ phí tuyển dụng
31	Phạm Thị Thanh Trang	21/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Duyên Hà		Không nộp lệ phí tuyển dụng
32	Lê Thị Lan Anh	18/10/1999	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
33	Phan Thị Việt Anh	14/09/1998	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
34	Nguyễn Hương Giang	10/12/1997	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
35	Nguyễn Thị Hoan	04/06/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	DH	LT-VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
36	Phạm Thị Hồng	16/02/2000	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
37	Nguyễn Thị Nhật Lệ	04/07/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đùng Text, ghi đầy đủ mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ- Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học- DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp- TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
38	Nguyễn Thị Liên	31/08/1994	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
39	Phạm Thanh Trà	08/07/2000	Nữ	Võng La, Đông Anh	DH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
40	Nguyễn Ngọc Trâm	13/12/1998	Nữ	Vân Bình, Thường Tín	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Hữu Hòa		Không nộp lệ phí tuyển dụng
41	Vũ Thị Huyền Trang	30/12/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Liên Ninh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
42	Ngô Băng Tâm	01/02/2001	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Văn hóa	1	Tân Triều		Không nộp lệ phí tuyển dụng
43	Đỗ Thị Phương Anh	14/04/1999	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
44	Nguyễn Thị Đồng	01/05/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
45	Đặng Thị Lan	25/01/1992	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
46	Ngô Thị Thu Uyên	13/04/1998	Nữ	Trảng Việt, Mê Linh	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Triều Khúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
47	Nguyễn Thị Hương	15/01/1990	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì	DH	LT-CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Vũ Lăng		Không nộp lệ phí tuyển dụng
48	Nguyễn Quỳnh Anh	28/11/2002	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
49	Tạ Thị Phụng Anh	30/04/1997	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
50	Nguyễn Thu Hà	23/01/1987	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
51	Nguyễn Hồng Hạnh	04/12/1998	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	LT-VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
52	Đỗ Hà Nhung	30/06/1998	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	DH	VL.VH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
53	Vũ Phương Thảo	24/10/1998	Nữ	Hải Dương	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
54	Nguyễn Thị Thoa	10/04/1990	Nữ	Bắc Ninh	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Mỹ		Không nộp lệ phí tuyển dụng
55	Phạm Phương Anh	27/11/1998	Nữ	Kim Bai, Thanh Oai	DH	VH.VL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
56	Nguyễn Thị Việt Chinh	25/09/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
57	Nguyễn Mỹ Duyên	17/09/1998	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa	Ths	CQ	Giáo dục học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi đủ/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
58	Lê Thị Hương	25/09/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
59	Lê Thị Hiền	06/01/1997	Nữ	Phượng Trưng, Thanh Oai	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
60	Nguyễn Thị Hoài	19/08/1995	Nữ	Đông Mai, Hà Đông	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
61	Nguyễn Thị Thanh Huyền	29/03/2000	Nữ	Hòa Bình	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá	DTTS	Không nộp lệ phí tuyển dụng
62	Nguyễn Việt Linh	22/09/2000	Nữ	Trâu Quỳ, Đông Anh	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
63	Nguyễn Thị Minh	11/11/1998	Nữ	Bắc Ninh	DH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
64	Bùi Ngọc Mỹ	06/11/1997	Nữ	Nam Tiến, Phú Xuyên	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
65	Trần Thị Nga	27/11/1981	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
66	Nguyễn Văn Nghĩa	15/12/1992	Nam	Phụng Thương, Phúc Thọ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
67	Lê Anh Phương	18/02/2001	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
68	Phạm Thu Tâm	23/01/2000	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
69	Trung Thị Phương Thảo	15/08/1997	Nữ	Ba Trai, Ba Vì	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
70	Nguyễn Thanh Thủy	03/09/1991	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
71	Phan Thanh Từ	04/05/1999	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
72	Đỗ Thị Tuyền	04/09/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông	DH	TC	Giáo dục tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
73	Nguyễn Thị Yên	24/02/1994	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức	DH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	Văn hóa	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
74	Nguyễn Thanh Vân	26/11/1996	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	DH	LT-VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Hồi		Không nộp lệ phí tuyển dụng
75	Đỗ Thị Hiền	04/02/1985	Nữ	Di Mậu, Thạch Thất	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tả Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
76	Trần Thị Nhung	25/10/1989	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	THS	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Tả Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
77	Nguyễn Thu Hiền	11/07/1991	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức	DH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Tam Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đùng Text, ghi dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hồ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện ; nếu hồ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-TS, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thì sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
78	Nguyễn Thanh Bình	09/01/1979	Nam	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	LTVHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
79	Đỗ Thị Duyên	03/08/1984	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	VLVH	Quản trị Văn phòng	NV	CNTT	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
80	Hà Thị Dung	28/08/1995	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hoà	DH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	GV	Công nghệ	2	Chu Văn An		Không nộp lệ phí tuyển dụng
81	Phạm Phúc Ngọc Huyền	14/05/2001	Nữ	Hưng Yên	DH	CQ	Sư phạm Công nghệ	GV	Công nghệ	2	Thanh Liệt		Không nộp lệ phí tuyển dụng
82	Đàm Thị Lan Hương	28/02/1988	Nữ	Phù Đổng, Ba Vì	THS	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn kỹ thuật	GV	Công nghệ	2	Thanh Liệt		Không nộp lệ phí tuyển dụng
83	Cần Thị Hà Linh	26/01/1995	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	GV	Công nghệ	2	Thanh Liệt		Không nộp lệ phí tuyển dụng
84	Lương Thị Hoa	09/10/1990	Nữ	Tụy Lai, Mỹ Đức	DH	VHVL	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Ngũ Hiệp	DTTS	Không nộp lệ phí tuyển dụng
85	Nguyễn Thị Tâm	28/9/2000	Nữ	Phù Thọ	DH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Ngũ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
86	Hoàng Thị Hiệp	03/01/1993	Nữ	Thái Nguyên	THS	CQ	Triết học	GV	GD CD	2	Thanh Liệt		Không nộp lệ phí tuyển dụng
87	Nguyễn Ngọc Hoàng	03/04/2001	Nam	Hà Nam	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
88	Đào Thị Nhung	04/04/1998	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tà Thanh Oai	CTB	Không nộp lệ phí tuyển dụng
89	Nguyễn Văn Nhưưng	22/06/1995	Nam	Ngệ An	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
90	Nguyễn Đức Trọng	18/09/1985	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm	DH	LT	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
91	Bùi Hà Thái	20/11/2001	Nam	Vạn Phúc, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Tam Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
92	Nguyễn Thùy Dương	06/12/1999	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
93	Đặng Thị Ngọc	15/10/1995	Nữ	Vạn Hà, Phúc Thọ	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Tứ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
94	Phùng Thị Ngọc Ánh	04/7/1999	Nữ	Phù Đổng, Ba Vì	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vĩnh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
95	Nguyễn Thị Hương Giang	13/10/1993	Nữ	Dải Hưng, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vĩnh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
96	Nguyễn Thị Phương Lan	08/03/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vĩnh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
97	Hà Thị Mỹ Linh	27/11/1997	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vĩnh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hệ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
98	Bùi Thị Nga	07/01/1993	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
99	Đỗ Thị Yên	24/11/1996	Nữ	Phủ Nghĩa, Chương Mỹ	DH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Vinh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
100	Nguyễn Văn Cầu	28/3/1991	Nam	Khánh Hà, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối		Không nộp lệ phí tuyển dụng
101	Lê Quang Đạt	10/7/1998	Nam	Tân Minh, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Vật li	GV	Lý	2	Ngọc Hối		Không nộp lệ phí tuyển dụng
102	Lê Minh Hằng	21/7/1996	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối		Không nộp lệ phí tuyển dụng
103	Nguyễn Thị Thu Huyền	26/9/2000	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối		Không nộp lệ phí tuyển dụng
104	Nguyễn Thị Khánh Huyền	12/02/1997	Nữ	Vân Từ, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Hối		Không nộp lệ phí tuyển dụng
105	Trần Thị Chi	20/4/1993	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	DH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngũ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
106	Nguyễn Thị Dung	30/03/1989	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	2	Tứ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
107	Nguyễn Thị Hạnh	12/03/1992	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	DH	CQ	Sư phạm mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	2	Tứ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
108	Đặng Linh Trang	12/05/1995	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	2	Tứ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
109	Hoàng Thị Trang	20/06/1994	Nữ	Xuân Đình, Phúc Thọ	DH	CQ	Sư phạm mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	2	Tứ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
110	Lê Thị Vân	23/02/1985	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng	DH	CQ	Sư phạm mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	2	Chu Văn An		Không nộp lệ phí tuyển dụng
111	Hà Thị Huệ	06/08/1990	Nữ	Hà Giang	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Chu Văn An	DTTS	Không nộp lệ phí tuyển dụng
112	Khuyết Thu Hằng	09/04/2001	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngũ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
113	Nguyễn Hiền Trang	14/12/1995	Nữ	Quảng Bi, Chương Mỹ	DH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
114	Bùi Thị Linh	07/04/1989	Nữ	Điện Biên	DH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Vinh Quỳnh		Không nộp lệ phí tuyển dụng
115	Nguyễn Thị Hương	12/5/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn	DH	VLVH	Sư phạm Sinh học	NV	TB/TN	2	Chu Văn An		Không nộp lệ phí tuyển dụng
116	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/09/1998	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An		Không nộp lệ phí tuyển dụng
117	Đặng Thu Huệ	02/03/2001	Nữ	Sơn Công, Ứng Hoà	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chu Văn An		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi đầy/mn/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tại)	Lý do
118	Nguyễn Ngọc Bằng	02/11/1995	Nam	Kim An, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
119	Chu Thị Hà	01/09/1995	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
120	Phạm Thị Hà	26/11/1995	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
121	Nguyễn Thị Thuý Linh	06/01/1997	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai	DH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
122	Trần Thị Phương	24/12/1983	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
123	Nguyễn Thị Thor	17/05/1987	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
124	Vũ Thị Phương Thanh	04/05/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
125	Nguyễn Thu Thuý	15/12/1991	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
126	Đỗ Thị Thu Trang	19/7/1998	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
127	Nguyễn Ngọc Tù	07/02/1995	Nam	Bắc Giang	Ths	CQ	Toán giải tích	GV	Toán	2	Chu Văn An		Không nộp lệ phí tuyển dụng
128	Lưu Thị Thu Hiền	10/11/2000	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
129	Trần Thị Thu Hương	03/05/1993	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
130	Nguyễn Thị Nhật Lê	04/07/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
131	Lê Hồng Phương	16/01/2001	Nữ	Văn Nghĩa, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
132	Nguyễn Thị Thanh	11/11/1999	Nữ	Phúc La-Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
133	Nguyễn Phương Thảo	09/11/1998	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
134	Nguyễn Hoài Thu	21/06/1998	Nữ	Liên Bat, Ứng Hoà	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
135	Nguyễn Xuân Ca	30/09/2000	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển		Không nộp lệ phí tuyển dụng
136	Phạm Quang Diện	12/11/1979	Nam	Văn Sơn, Quốc Oai	DH	TC	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thị trấn Văn Điển	CBB	Không nộp lệ phí tuyển dụng
137	Nguyễn Hữu Đồng	02/09/2001	Nam	Bắc Ninh	DH	CQ	Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi đủ/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Chỉ theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Diện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
138	Bùi Thanh Hương	31/01/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
139	Phùng Thị Loan	25/09/1991	Nữ	Vĩnh Phúc	DH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
140	Đào Thị Huyền Trang	23/09/1995	Nữ	Khu TT Nguyễn Huệ, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
141	Hà Thị Thu Trang	10/02/2000	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Duyên Hà		Không nộp lệ phí tuyển dụng
142	Lê Minh Anh	09/04/2000	Nữ	Dại Mỗ, Nam Từ Liêm	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
143	Đào Quang Giang	25/09/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
144	Nguyễn Thị Thu Hiền	23/12/1982	Nữ	Trương Thịnh, Ứng Hoà	DH	CQLT	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
145	Trần Diệu Hương	18/02/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
146	Phùng Hải Lan	06/10/1994	Nữ	Nghiên Xuân, Thường Tín	DH	VL.VH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
147	Bùi Thị Linh	15/10/1996	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
148	Đỗ Thị Hồng Nhung	22/06/1996	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	DH	VH.VL	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
149	Bùi Đình Oanh	12/12/2000	Nam	Lam Điền, Chương Mỹ	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
150	Nguyễn Văn Sư	17/03/1995	Nữ	Thuy An, Ba Vì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
151	Phạm Thị Thanh Thảo	27/05/2000	Nữ	Phù La, Hà Đông	DH	CQ	Văn học	GV	Văn	2	Tà Thanh Oai		Không nộp lệ phí tuyển dụng
152	Ngô Mai Hương	28/08/2000	Nữ	Đống Tân, Ứng Hòa	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
153	Nguyễn Thị Thanh Tâm	13/12/1995	Nữ	Văn Quán, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp	CBB	Không nộp lệ phí tuyển dụng
154	Đào Thị Tuyền	06/03/1991	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ThS	CQ	Văn học nước ngoài (Văn học Phương Tây)	GV	Văn	2	Tam Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
155	Vũ Hải Yên	20/04/2001	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Tam Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
156	Đặng Thị Lan Anh	17/02/1998	Nữ	Dũng Tiễn, Thường Tín	DH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
157	Nguyễn Thị Thu Hà	17/08/1980	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	DH	CT	Văn học	GV	Văn	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đúng Text, ghi dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-Ts, Thạc sỹ-Ths, Đại học-DH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành, thí sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bằng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điểm ưu tiên (ghi tại)	Lý do
158	Bùi Thị Anh	05/08/1994	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng	DH	VL.VH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Vạn Phúc		Không nộp lệ phí tuyển dụng
159	Đặng Thị Ngọc	25/7/1994	Nữ	Dại Nghĩa, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	3	Trung tâm GDNN-GDTX		Không nộp lệ phí tuyển dụng
160	Nguyễn Duy	30/06/1993	Nữ	Hà Nam	DH	CQ	Biểu diễn âm nhạc	DV	VHVN	4	Trung tâm VHITTT		Không nộp lệ phí tuyển dụng
161	Lê Phương	12/07/1990	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai	DH	CQ	Nguồn ngữ Anh	GV	Anh	1	Yên Xá		Không nộp lệ phí tuyển dụng
162	Phạm Thị	02/08/1988	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Công nghệ thông tin	GV	Tin	1	Ngũ Hiệp		Không nộp lệ phí tuyển dụng
163	Phan Thị	28/8/1989	Nữ	Từ Hiệp, Thanh Trì	Ths	CQ	Vật lý thuyết và Vật lý Toán	GV	Lý	2	Ngũ Hiệp		Không có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
164	Lê Minh	10/11/1994	Nam	Phù Thọ	DH	CQ	Thiết kế thời trang	GV	Mỹ thuật	2	Chu Văn An		Không có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
165	Bùi Thị	15/08/1987	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức	DH	CQ	Lịch sử	GV	Sử	2	Tả Thanh Oai		Không có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
166	Đỗ Thị	02/09/1988	Nữ	Dương Nội, Hà Đông	Ths	CQ	Văn học	GV	Văn	2	Tả Thanh Oai		Không có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
167	Nguyễn Thị Mỹ	05/03/1991	Nữ	Từ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Từ Hiệp		Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên trung học phổ thông (cấp năm 2012). Tuy nhiên, chưa tham gia họp đồng giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Do vậy, không đủ điều kiện dự tuyển theo Công văn số 336/BGDDT-NGCBQLGD ngày 27/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh (đương Text, ghi dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú (nếu HK Hà Nội chỉ ghi xã, huyện; nếu hộ khẩu không thuộc Hà Nội ghi tỉnh)	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ- Ts, Thạc sỹ- Ths, Đại học- DH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Hệ đào tạo (CQ, TC, TX...)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (Ghi theo ngành, chuyên ngành thì sinh được đào tạo ghi tại bảng hoặc bảng điểm)	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Mã đơn vị	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Chỉ ghi tên đơn vị)	Điện ưu tiên (ghi tắt)	Lý do
168	Đỗ Hữu Cảnh	06/04/1985	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức	DH	LT	Công nghệ thông tin	GV	Tin	1	Hữu Hòa		Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm bậc I (cấp năm 2009). Tuy nhiên, chưa tham gia hợp đồng giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Do vậy, không đủ điều kiện dự tuyển theo Công văn số 336/BGDDT-NGCBQ/GD ngày 27/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
169	Trần Thùy Quỳnh	23/03/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Ngũ Hiệp		Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (cấp năm 2014). Tuy nhiên, chưa tham gia hợp đồng giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Do vậy, không đủ điều kiện dự tuyển theo Công văn số 336/BGDDT-NGCBQ/GD ngày 27/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
170	Trần Thị Oanh	01/02/1987	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	Ths	CQ	Lịch sử Đảng	GV	Sử	2	Chu Văn An	CBB	Bảng tốt nghiệp chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm
171	Nguyễn Thu Trang	01/06/1998	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	DH	CQ	Lịch sử Đảng	GV	Sử	2	Chu Văn An		Bảng tốt nghiệp chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm
172	Đỗ Thị Dịu	07/01/1990	Nữ	Hưng Yên	DH	CQ	Toán học	GV	Toán	2	Vạn Phúc		Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (cấp năm 2013). Tuy nhiên, chưa tham gia hợp đồng giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Do vậy, không đủ điều kiện dự tuyển theo Công văn số 336/BGDDT-NGCBQ/GD ngày 27/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Giải thích:

- 1. Viết tắt của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển: Giáo viên: GV; Nhân viên: NV; Diễn viên: DV.
- 2. Viết tắt của các môn đăng ký dự tuyển: Giáo dục công dân: GDCC; Giáo dục thể chất: GDTG; Công tác Thư viện: TV; Công nghệ thông tin: CNTT; Thiết bị, thí nghiệm: TBTN; Nghiệp vụ Văn hóa - Văn nghệ: VHVN.
- 3. Viết tắt diện ưu tiên: Con thương binh: CTB, con bệnh binh: CBB, dân tộc thiểu số: DTTS